TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 16/3/2017
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
*** Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Lộc.
Ông Trần Hưng Bính.

Hôm nay, ngày 16 tháng 3 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế - số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế, Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 21/2016/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2016 về việc xin ly hôn, do bản án sơ thẩm số: 74/2016/HNGĐ-ST ngày 07/11/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2017/QĐPT-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2017, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị Trần Thị L – Sinh năm 1988;

Trú tại: Thôn A, xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị L: Ông Bùi Quang R và bà Lê Thị Trà M, Luật sư của Công ty Luật TNHH Một Thành Viên T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ: đường P, thành phố H. Luật sư M có mặt, Luật sư R xin vắng mặt.

**** Bị đơn:*** Anh Đỗ Xuân H – Sinh năm 1987;

Trú tại: Thôn S, xã V, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh H: Ông Bảo C, Luật sư của Văn phòng Luật sư Bảo C, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ: đường V, thành phố H. Có mặt.

**** Người kháng cáo:*** Anh Đỗ Xuân H - Bị đơn.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Châu, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Phúc - Kiểm sát viên.

NHẬN THẤY

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày: Chị và anh Đỗ Xuân H sau một thời gian tìm hiểu đã kết hôn với nhau vào tháng 10/2013. Sau khi cưới thì cả hai về sống tại nhà bố mẹ anh H tại xã V, thị xã H. Sau một thời gian chung sống đến khoảng đầu năm 2014 thì hai vợ chồng xảy ra xung đột, nguyên nhân là do anh H luôn nghi ngờ chị về việc chi tiêu tiền bạc nên xảy ra mâu thuẫn về kinh tế. Đến tháng 7/2014 cả hai vợ chồng cùng nhau ra Bắc Ninh làm ăn buôn bán. Trong quá trình chung sống cả hai thường xuyên cãi nhau về vấn đề kinh tế. Đến tháng 10/2015 thì chị L xin ly hôn anh H.

Về con chung: Chị L và anh H có một con chung là cháu Đỗ Trần Triệu V, sinh ngày 24/4/2015. Từ tháng 01/2016 anh H đã giành con về nhà cha mẹ đẻ để nuôi, không cho chị L chăm sóc con. Nay chị L có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị L khai có tổng số tài sản là 182 triệu đồng, trong đó chị giữ số tiền mặt 53 triệu và một tài khoản thẻ ATM 60 triệu; anh H giữ 54 triệu; một số tài sản là vật dụng dùng để kinh doanh buôn bán chè có giá trị khoản 15 triệu hiện để ở nhà số đường P, thị trấn C, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Chị L có ý kiến về số tài sản chung như sau: Đối với số tiền thì chia theo pháp luật. Đối với số tài sản là vật dụng dùng để kinh doanh buôn bán có giá trị khoảng 15 triệu hiện tại để ở nhà tại đường P, thị trấn C, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh, chị không nhận số tài sản này mà bàn giao toàn bộ cho anh H.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn anh Đỗ Xuân H trình bày: Về quan hệ hôn nhân như chị L trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng không có gì nghiêm trọng nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh H không đồng ý giao cho chị L nuôi dưỡng con chung vì giữa anh chị có thỏa thuận giao con cho anh H nuôi và trong thời gian qua chị L không về thăm nom, chăm sóc con.

Về tài sản chung: Anh H không đồng ý với ý kiến của chị L. Tại biên bản đối chất tài sản ngày 15/4/2016, anh H phản tố đề nghị chia tài sản chung với tổng số tài sản là 187 triệu đồng bao gồm số tiền chị L đang cất giữ là 113 triệu đồng và số tài sản là vật dụng dùng để bán chè có giá trị là 40 triệu đồng, số tiền anh H đang cất giữ 54 triệu đồng nhưng đã chi phí nuôi con hết 20 triệu đồng, nay còn lại 34 triệu đồng. Anh H đề nghị chia theo quy định của pháp luật. Về nợ chung xác nhận không có.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 74/2016/HNGĐ-ST ngày 07/11/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà đã quyết định như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L được ly hôn với anh Đỗ Xuân H.

2. Về con chung: Chị Trần Thị L được quyền nuôi con là cháu Đỗ Trần Triệu V, sinh ngày 24/4/2015. Buộc anh H phải giao cháu V cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Chị L và anh H có tổng số tiền là 167.000.000 đồng, mỗi người được sở hữu số tiền là 83.500.000 đồng. Hiện chị L đang cất giữ 113.000.000 đồng, anh H cất giữ 54.000.000 đồng, buộc chị L phải giao cho anh H số tiền chênh lệch là 29.500.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 17/11/2016 Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế nhận được đơn kháng cáo của anh Đỗ Xuân H với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 74/2016/HNGĐ-ST ngày 07/11/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà với lý do tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ căn cứ để xác định mâu thuẩn vợ chồng trầm trọng mà xử cho ly hôn là quá vội vàng và trái với quy định pháp luật. Về phần tài sản chung tòa án sơ thẩm cũng không giải quyết thấu đáo, thiếu sót trong việc xác minh và phân chia tài sản. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bác đơn khởi kiện ly hôn của chị L hoặc hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên các yêu cầu đã khởi kiện; phía bị đơn vẫn giữ nguyên hai nội dung đơn kháng cáo, đồng thời bổ sung thêm yêu cầu xin được nuôi con chung là cháu Đỗ Trần Triệu V, sinh ngày 24/4/2015.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đương sự, và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Đỗ Xuân H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 03/10/2013 tại UBND xã Hương Vinh, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đây là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Quá trình gần 2 năm chung sống chị L và anh H đã nảy sinh mâu thuẩn, chủ yếu là về kinh tế gia đình và thường xuyên xảy ra cải vã, xúc phạm lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Tại tòa án cấp phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã tạo điều kiện cho hai bên đương sự trình bày ý kiến của mình nhưng vẫn có ý kiến trái chiều, không có thiện chí đoàn tụ. Vì vậy, xét thấy tình cảm vợ chồng chị Trần Thị L và anh Đỗ Xuân H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết cho chị L được ly hôn với anh H là có cơ sở, đúng pháp luật.

Về con chung: Do cháu Đỗ Trần Triệu V, sinh ngày 24/4/2015 vẫn còn nhỏ, dưới 03 tuổi do đó Tòa án án sơ thẩm xử giao cháu V cho chị L nuôi dưỡng và buộc anh H

phải giao con cho chị L nuôi. Vấn đề này anh H không kháng cáo. Việc tại phiên tòa anh Đỗ Xuân H bổ sung yêu cầu nuôi con chung là vượt quá nội dung kháng cáo ban đầu nên HĐXX không chấp nhận.

Về phần tài sản chung:

Chị Trần Thị L và anh Đỗ Xuân H đều thống nhất vợ chồng có số tài sản chung gồm: 167 triệu đồng (trong đó chị L cất giữ 113 triệu đồng (gồm 53 triệu tiền mặt và 60 triệu đồng tại tài khoản thẻ ATM) và anh H cất giữ 54 triệu đồng) và một số tài sản là vật dụng dùng để kinh doanh buôn bán chè hiện để tại nhà trên đường P, thị trấn C, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Số tài sản là vật dụng dùng để kinh doanh này chị L kê khai là 15 triệu đồng nhưng anh H kê khai có giá trị là 40 triệu đồng. Tổng cộng số tài sản anh H yêu cầu chia là 187 triệu đồng (gồm 167 triệu đồng tiền mặt và 40 triệu đồng giá trị tài sản tại đường P, thị trấn C, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh) và được Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà thông báo nộp tiền tạm ứng án phí tranh chấp tài sản theo quy định của pháp luật. Xét thấy số tiền chị L cất giữ 113.000.000 đồng, anh H cất giữ 54.000.000 đồng được hai bên thừa nhận là có thật. Tuy nhiên chị L đã cho rằng chị đã chi tiêu 53.000.000 đồng và phía anh H cũng cho rằng anh đã chi tiêu 20.000.000 đồng nhưng không có sự đồng ý trước đó của vợ, chồng cũng như không có chứng cứ để chứng minh chi tiêu hợp lệ nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận lời khai này là phù hợp pháp luật. Riêng số tài sản tại đường P, thị trấn C, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh chị L thỏa thuận giao cho anh H toàn bộ. Như vậy, số tài sản này không có tranh chấp. Chị L tự nguyện không nhận tài sản này mà giao toàn bộ cho anh H và tại phiên tòa sơ thẩm anh H không yêu cầu Tòa án giao tài sản này cho anh nên nay Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh H được.

Về xác định tư cách người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đối với ông Đỗ L, Tòa án cấp sơ thẩm đã không yêu cầu ông L cung cấp đầy đủ về điều kiện thủ tục ông được làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự theo quy định tại Điều 75 Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng vẫn chứng nhận ông Đỗ L là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Đỗ Xuân H là không đúng quy định của pháp luật, cần phải nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn anh Đỗ Xuân H về quan hệ hôn nhân và phần phân chia tài sản chung của vợ chồng, mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế là có căn cứ, đúng pháp luật.

Án phí phúc thẩm: Anh Đỗ Xuân H phải chịu theo luật định.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 3 Điều 298 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của anh Đỗ Xuân H về phần hôn nhân và chia tài sản chung của vợ chồng. Không chấp nhận việc anh H bổ sung nội dung kháng cáo mới là xin nuôi con chung chưa thành niên do vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L được ly hôn anh Đỗ Xuân H.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Trần Triệu V, sinh ngày 24/4/2015 cho chị Trần Thị L được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh Đỗ Xuân H phải giao cháu V cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Chị L và anh H có tổng số tiền là 167.000.000 đồng, do đó mỗi người được sở hữu số tiền là 83.500.000 đồng. Hiện chị L đang cất giữ 113.000.000 đồng, anh H cất giữ 54.000.000 đồng, buộc chị L phải giao cho anh H số tiền chênh lệch là 29.500.000 đồng.

4. Án phí phúc thẩm: Anh Đỗ Xuân H phải chịu tiền án phí phúc thẩm là 200.000 đồng. Anh H đã nộp 200.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 009572 ngày 05/12/2016 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Huế. Nay được trừ hết số tiền đã nộp.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Văn Trung

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- TAND thị xã Hương Trà;
- Chi cục THA thị xã Hương Trà;
- Các đương sự;
- Lưu HS.